

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 157/2006/NĐ-CP***Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2006***NGHỊ ĐỊNH****Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Ngoại giao (38)****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh về Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 02 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Vị trí và chức năng**

Thanh tra Ngoại giao là cơ quan thanh tra thuộc ngành ngoại giao; ở Trung ương có Thanh tra Ngoại giao thuộc Bộ Ngoại giao (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ) và ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Ngoại giao thuộc Sở Ngoại vụ (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở); thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về đối ngoại trong phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về đối ngoại.

2. Cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện có tư cách pháp nhân của các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có tham gia hoạt động trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ về đối ngoại. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động Thanh tra Ngoại giao phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, thành viên Đoàn thanh tra phải thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra, pháp luật khác có liên quan và phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình.

Điều 4. Mối quan hệ công tác

1. Thanh tra Bộ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng

dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Sở chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở Ngoại vụ, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra cấp tỉnh và hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Ngoại giao phối hợp với Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và thanh tra các cơ quan khác ở địa phương trong quá trình thanh tra các vấn đề liên quan đến công tác đối ngoại để tránh chồng chéo và nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA NGOẠI GIAO

Điều 5. Tổ chức Thanh tra

1. Bộ Ngoại giao có Thanh tra Bộ.
2. Sở Ngoại vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở.
3. Cơ quan thanh tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 6. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Ngoại giao, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quản lý nhà nước về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ có các phòng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Thanh tra Bộ.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài; các hoạt động của Văn phòng đại diện có tư cách pháp nhân của các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan, tổ chức, cá nhân

Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có liên quan đến công tác đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thanh tra về công tác đối ngoại.

4. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đối ngoại theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tổ chức tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

6. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

7. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại; đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định, quyết định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

9. Hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện các quy

định của pháp luật về công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở.

10. Trưng tập cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia Đoàn thanh tra.

11. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định.

12. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh tra về công tác đối ngoại.

13. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng quyết định và tổ chức thực hiện.

3. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực công tác đối ngoại theo quy định của pháp luật.

4. Trình Bộ trưởng quyết định việc thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Trình Bộ trưởng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập Công tác viên thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.

6. Kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tham mưu cho Bộ trưởng phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra về công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Giúp Bộ trưởng thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị Bộ trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

8. Kiến nghị Bộ trưởng tạm đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ quyết định của cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Ngoại giao khi có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật hoặc gây cản trở đến hoạt động thanh tra.

9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Ngoại giao.

10. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Ngoại vụ, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc thành lập Thanh tra Sở do Giám đốc Sở Ngoại vụ thống nhất ý kiến với Chánh Thanh tra tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quản lý, Giám đốc Sở Ngoại vụ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Thanh tra Sở.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Sở Ngoại vụ.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật và quy định chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý hành chính.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

7. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Sở thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

8. Yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.

9. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra đó.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Trình Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Kiến nghị Giám đốc Sở xem xét, xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về công tác đối ngoại thuộc quyền quản lý của Sở; phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc Sở trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý

người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

6. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

7. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị thuộc Sở trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng. Khi cần thiết, kiến nghị Giám đốc Sở triệu tập Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan họp đề đề xuất và thống nhất biện pháp xử lý đối với các vụ việc thanh tra, khiếu nại, tố cáo phức tạp.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị thuộc quyền quản lý của Giám đốc Sở.

9. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hoạt động thanh tra ở các địa phương chưa có Sở Ngoại vụ

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa có Sở Ngoại vụ, thì Thủ trưởng cơ quan quản lý công tác đối ngoại có trách nhiệm sử dụng cán

bộ thuộc quyền để kiêm nhiệm một số nhiệm vụ thanh tra và chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

Chương III

THANH TRA VIÊN VÀ CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA

Điều 13. Thanh tra viên

1. Thanh tra viên Ngoại giao là công chức được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thanh tra viên Ngoại giao thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra viên Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra viên Ngoại giao phải đáp ứng tiêu chuẩn các ngạch công chức ngành Thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra và phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn phù hợp với ngành, lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định.

4. Thanh tra viên Ngoại giao được hưởng chế độ, chính sách và được bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cộng tác viên Thanh tra

1. Cộng tác viên Thanh tra là người được trưng tập làm nhiệm vụ thanh tra theo yêu cầu của Chánh Thanh tra các cấp hoặc Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Cộng tác viên Thanh tra phải có phẩm chất chính trị tốt; có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra được giao trong lĩnh vực đối ngoại.

3. Cộng tác viên Thanh tra được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật, được tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA NGOẠI GIAO

Điều 15. Nội dung thanh tra

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ.

2. Thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực:

a) Thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

b) Các hoạt động của Văn phòng đại diện có tư cách pháp nhân của Việt Nam ở nước ngoài, của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có liên quan đến công tác đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ;

c) Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế;

d) Công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia;

đ) Công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

e) Công tác lãnh sự, xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài theo phân công của Chính phủ; hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự, quốc tịch và hộ tịch; bảo hộ công dân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

g) Công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế;

h) Các lĩnh vực khác có liên quan đến công tác đối ngoại trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và Sở Ngoại vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hình thức và phương thức hoạt động thanh tra

1. Hoạt động thanh tra Ngoại giao được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

Thanh tra theo chương trình, kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Giám đốc Sở Ngoại vụ phê duyệt.

Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; theo yêu cầu của công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Việc thanh tra được tiến hành theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập.

Đoàn Thanh tra và Thanh tra viên hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật khác có liên quan.

Chương V

TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BIÊN HIỆU, CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 17. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu

1. Thanh tra Ngoại giao có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra Ngoại giao.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu của Thanh tra Ngoại giao sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Điều 18. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Các cơ quan Thanh tra Ngoại giao được bố trí trụ sở làm việc, phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định cụ thể về phương tiện, thiết bị kỹ thuật theo quy định của pháp luật cho cơ quan Thanh tra Ngoại giao.

Điều 19. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Ngoại giao do ngân sách nhà nước cấp và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc cấp phát, quản lý kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGOẠI GIAO

Điều 20. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động Thanh tra Ngoại giao

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động, kiện toàn tổ chức Thanh tra Bộ; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, trang bị kỹ thuật, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ cho hoạt động của Thanh tra Bộ; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Sở Ngoại vụ kiện toàn tổ chức, đảm bảo kinh phí, biên chế, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của Thanh tra Sở; chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan quản lý công tác đối ngoại phụ trách và sử dụng cán bộ thuộc quyền để kiêm nhiệm một số nhiệm vụ thanh tra tại địa phương chưa có Sở Ngoại vụ.

3. Giám đốc Sở Ngoại vụ chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động, kiện toàn tổ chức của Thanh tra Sở; xử lý kịp

thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thanh tra; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Đối tượng thanh tra có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Việc cung cấp, sử dụng và quản lý thông tin, tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 22. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra Ngoại giao được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Xử lý vi phạm

Người chống đối, cản trở, mua chuộc, trù dập, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra hoặc tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra; người lợi dụng quyền hạn thanh tra vì động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà kết luận thanh tra sai sự thật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực ngoại giao thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động Thanh tra Ngoại giao được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 26. Hướng dẫn và trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chủ trì, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ trưởng, Thủ trưởng chịu trách nhiệm thi hành Nghị định cơ quan ngang Bộ có liên quan hướng này./.
dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng